



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT TỐT NGHIỆP

XÉT TN ĐỢT 2/2020 (Đại học Khóa 10 & các khóa trở về trước- kèm theo biên bản xét TN ngày 09/09/2020)

I. CÁC LỚP ĐẠI HỌC KHÓA 10/2016

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ngành	Số TC tích lũy	Điểm TN	Điểm hệ 10	Xếp loại
1	1653020105	NGUYỄN KỲ	ANH	Nam	07/01/1997	ĐV1-K10	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	132	3,05	7,5	Khá
2	1653020022	THÂN HOÀNG	ANH	Nam	01/01/1998	ĐV1-K10	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	132	2,68	6,94	Khá
3	1653020046	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	Nam	02/09/1998	ĐV1-K10	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	132	2,7	7,06	Khá
4	1653020047	NGUYỄN DUY	MINH	Nam	04/07/1998	ĐV1-K10	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	132	2,55	6,85	Khá
5	1653020043	NGUYỄN THỊ	NHÂN	Nữ	21/02/1998	ĐV1-K10	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	132	3,18	7,96	Khá
6	1653020095	CAO MINH	TÂM	Nam	01/01/1998	ĐV2-K10	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	132	2,87	7,28	Khá
7	1651010317	NGUYỄN BẢO TRÂM	ANH	Nữ	06/06/1998	QTDL1-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,1	6,26	Trung bình
8	1651010343	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	Nữ	09/02/1998	QTDL1-K10	Quản trị kinh doanh	136	3,15	7,72	Khá
9	1651010302	TRẦN LÂM TÚ	TÚ	Nữ	05/12/1998	QTDL1-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,82	7,24	Khá
10	1651010066	HUỶNH CÁT	GIA	Nam	08/01/1998	QTDL2-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,62	6,94	Khá
11	1651010030	VŨ NGUYỄN THY	GIANG	Nữ	23/11/1998	QTDL2-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,81	7,26	Khá
12	1651010083	PHẠM GIA	LẬP	Nam	17/05/1998	QTDL2-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,87	7,31	Khá
13	1651010091	TRỊNH THÀNH	NHÂN	Nam	02/03/1998	QTDL2-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,75	7,15	Khá
14	1651010536	LÊ THỊ QUỲNH	NHƯ	Nữ	27/08/1998	QTDL2-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,88	7,33	Khá
15	1651010427	NGUYỄN HỮU HOÀNG	OANH	Nữ	31/10/1998	QTDL2-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,98	7,41	Khá
16	1651010012	THÁI HOÀNG MAI	THUY	Nữ	31/01/1998	QTDL2-K10	Quản trị kinh doanh	137	2,75	7,17	Khá
17	1651010508	NGUYỄN THU	TRANG	Nữ	26/02/1998	QTDL2-K10	Quản trị kinh doanh	136	3,04	7,54	Khá
18	1651010237	LÊ QUANG	ANH	Nam	17/04/1998	QTKDCHK-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,99	7,4	Khá
19	1651010137	TẠ PHƯƠNG	ANH	Nữ	22/01/1998	QTKDCHK-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,25	7,82	Giỏi
20	1651010278	BÙI QUANG	HÀ	Nam	11/12/1998	QTKDCHK-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,33	7,99	Giỏi
21	1651010019	NGUYỄN MINH	NGUYỆT	Nữ	22/05/1998	QTKDCHK-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,65	6,94	Khá
22	1651010231	HOÀNG MINH YẾN	NHI	Nữ	24/07/1998	QTKDCHK-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,98	7,44	Khá
23	1651010215	ĐỖ THỊ HỒNG	NHUNG	Nữ	07/09/1998	QTKDCHK-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,39	8,08	Giỏi
24	1651010320	LÊ THỊ THU	PHƯƠNG	Nữ	07/10/1998	QTKDCHK-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,68	7,09	Khá
25	1651010067	LÊ THỊ TRÚC	PHƯƠNG	Nữ	22/12/1998	QTKDCHK-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,42	6,68	Trung bình
26	1651010518	HUỶNH THỊ	QUI	Nữ	02/06/1998	QTKDCHK-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,16	7,74	Khá
27	1651010500	KRUY	SOVANNARA	Nam	05/07/1996	QTKDCHK-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,92	7,38	Khá
28	1651010447	PHẠM THỊ QUỲNH	THAO	Nữ	22/12/1998	QTKDCHK-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,9	7,29	Khá
29	1651010356	ĐÌNH THỊ KIM	THẢO	Nữ	06/01/1998	QTKDCHK-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,1	7,63	Khá
30	1651010382	NGUYỄN THỊ	THU	Nữ	21/07/1998	QTKDCHK-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,93	7,37	Khá
31	1651010506	NGUYỄN THỊ BÍCH	THÚY	Nữ	19/09/1997	QTKDCHK-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,5	8,23	Giỏi
32	1651010483	PHẠM THỊ TUYẾT	TRINH	Nữ	13/09/1998	QTKDCHK-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,13	7,67	Khá
33	1651010206	LÊ THỊ NGỌC	TUYỀN	Nữ	20/04/1998	QTKDCHK-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,43	6,61	Trung bình
34	1651010242	ĐỖ QUỐC	CƯỜNG	Nam	03/01/1998	QTKDTH1-K10	Quản trị kinh doanh	136	3,38	8,08	Giỏi
35	1551010210	ĐỖ HUỶNH THIÊN	NHI	Nữ	19/03/1997	QTKDTH1-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,63	6,89	Khá
36	1651010330	PHẠM THỊ HỒNG	NHI	Nữ	02/10/1998	QTKDTH1-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,88	7,26	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ngành	Số TC tích lũy	Điểm TN	Điểm hệ 10	Xếp loại
37	1651010219	PHẠM THỊ YẾN	NHI	Nữ	16/04/1998	QTKDTH1-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,58	6,89	Khá
38	1651010221	NGUYỄN QUÁCH BẢO	SƠN	Nam	25/02/1998	QTKDTH1-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,67	6,97	Khá
39	1651010201	NGUYỄN PHƯƠNG HƯƠNG	THỦY	Nữ	27/04/1998	QTKDTH1-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,81	7,16	Khá
40	1651010151	NGUYỄN HOÀNG LAM	VI	Nữ	19/10/1998	QTKDTH1-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,88	7,23	Khá
41	1651010218	TRẦN THỊ KHÁNH	VY	Nữ	04/03/1998	QTKDTH1-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,81	7,14	Khá
42	1651010493	VÕ THỊ HỒNG	HUỠNG	Nữ	30/07/1998	QTKDTH2-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,89	7,27	Khá
43	1651010031	ĐOÀN THỊ THANH	MAI	Nữ	28/11/1998	QTKDTH2-K10	Quản trị kinh doanh	136	3,22	7,83	Giỏi
44	1651010042	NGUYỄN VŨ	THẮNG	Nam	27/06/1998	QTKDTH2-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,5	6,77	Khá
45	1651010520	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	Nữ	08/10/1997	QTKDTH2-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,75	7,03	Khá
46	1651010303	NGÔ BẢO	TRÂM	Nữ	22/02/1998	QTKDTH2-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,78	7,12	Khá
47	1651010385	VÕ TRẦN PHƯƠNG	TRANG	Nữ	15/08/1998	QTKDTH2-K10	Quản trị kinh doanh	136	3,35	8,01	Giỏi
48	1651010350	VŨ NGUYỄN PHƯƠNG	TRANG	Nữ	21/02/1998	QTKDTH2-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,49	6,68	Trung bình
49	1651010331	LÊ THỊ TÚ	TRINH	Nữ	20/10/1998	QTKDTH2-K10	Quản trị kinh doanh	136	2,78	7,15	Khá
50	1651010146	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	Nữ	13/02/1998	QTKDVTHK1-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,25	7,82	Giỏi
51	1651010180	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	Nữ	19/12/1998	QTKDVTHK1-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,79	7,21	Khá
52	1651010104	HOÀNG THỊ THU	HẰNG	Nữ	25/05/1998	QTKDVTHK1-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,77	7,15	Khá
53	1651010127	NGÔ QUANG	KHẢI	Nam	14/01/1998	QTKDVTHK1-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,69	6,99	Khá
54	1651010187	TRẦN NHẬT ĐĂNG	KHOA	Nam	11/05/1998	QTKDVTHK1-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,03	7,53	Khá
55	1651010196	PHẠM THỊ TRÀ	MY	Nữ	23/03/1998	QTKDVTHK1-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,62	6,94	Khá
56	1651010184	TRẦN LỆ	QUYÊN	Nữ	29/05/1998	QTKDVTHK1-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,52	6,77	Khá
57	1651010188	ĐỨC THỊ	TÂM	Nữ	17/04/1998	QTKDVTHK1-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,91	7,34	Khá
58	1651010168	NGUYỄN TÔ THU	THẢO	Nữ	14/08/1998	QTKDVTHK1-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,7	7,02	Khá
59	1651010150	ĐẶNG NGỌC BẢO	TRẦN	Nữ	10/02/1998	QTKDVTHK1-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,81	7,09	Khá
60	1651010169	TRẦN THỊ	TRÚC	Nữ	04/01/1998	QTKDVTHK1-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,12	7,66	Khá
61	1651010135	PHẠM HỒ THẢO	VY	Nữ	23/08/1998	QTKDVTHK1-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,74	7,06	Khá
62	1651010232	HUỶNH KHÁNH	AN	Nữ	04/05/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,81	7,2	Khá
63	1651010274	TRẦN THỊ VÂN	ANH	Nữ	14/01/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,21	7,8	Giỏi
64	1651010248	HOÀNG THỊ	ÁNH	Nữ	04/06/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,75	7,07	Khá
65	1651010300	HỒ TRƯỜNG	GIANG	Nam	27/06/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,02	7,49	Khá
66	1651010319	PHẠM TRƯỜNG	HẢI	Nam	06/10/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,83	7,18	Khá
67	1651010271	HUỶNH TRÚC	LY	Nữ	26/03/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,79	7,12	Khá
68	1651010326	NGUYỄN THỊ THÙY	MY	Nữ	19/08/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,33	7,98	Giỏi
69	1651010266	BÙI BẢO	NGỌC	Nữ	19/01/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,14	7,7	Khá
70	1651010220	HỒ HỒNG	NGỌC	Nữ	20/01/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,99	7,41	Khá
71	1651010252	HOÀNG NGUYỄN NHẬT	NHI	Nữ	05/02/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,59	6,92	Khá
72	1651010262	LÊ NGỌC	NHI	Nữ	24/08/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,58	6,88	Khá
73	1651010315	ĐẶNG NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	Nữ	11/07/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,76	7,11	Khá
74	1651010217	TRẦN CẢNH HỒNG	NHUNG	Nữ	02/06/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,95	7,44	Khá
75	1651010202	HỒ NGỌC	QUYÊN	Nữ	07/01/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,89	7,29	Khá
76	1651010321	NGUYỄN THỊ BĂNG	TÂM	Nữ	06/09/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,43	8,15	Giỏi
77	1651010257	DƯƠNG THỊ THU	THẢO	Nữ	19/10/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	3	7,46	Khá
78	1651010214	ĐÀO THUY	TIỀN	Nữ	23/11/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,23	7,82	Giỏi
79	1651010268	NGÔ THANH THUY	TIỀN	Nữ	06/09/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,44	6,69	Trung bình

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ngành	Số TC tích lũy	Điểm TN	Điểm hệ 10	Xếp loại
80	1651010272	TRẦN THỊ THANH	VY	Nữ	06/03/1998	QTKDVTHK2-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,9	7,34	Khá
81	1651010359	ĐÀO THỊ NGUYỆT	DIỄM	Nữ	29/01/1998	QTKDVTHK3-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,1	7,66	Khá
82	1651010381	NGUYỄN THỊ MỸ	HẢO	Nữ	03/12/1998	QTKDVTHK3-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,88	7,24	Khá
83	1651010438	ĐẶNG MỸ	HUYỀN	Nữ	02/11/1998	QTKDVTHK3-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,12	7,68	Khá
84	1651010394	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	Nữ	15/05/1997	QTKDVTHK3-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,64	6,95	Khá
85	1651010425	LẠI THỊ NGỌC	NGÂN	Nữ	20/11/1998	QTKDVTHK3-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,03	7,53	Khá
86	1651010434	PHẠM HOÀNG ĐÔNG	NGÂN	Nữ	07/04/1997	QTKDVTHK3-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,14	7,63	Khá
87	1651010439	BÙI TIẾN	PHÁT	Nam	08/03/1998	QTKDVTHK3-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,17	7,71	Khá
88	1651010418	HÀNG TRUNG QUANG	THỌ	Nam	01/01/1998	QTKDVTHK3-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,38	8,15	Giỏi
89	1651010397	BÙI THỊ THANH	THỦY	Nữ	07/03/1998	QTKDVTHK3-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,84	7,2	Khá
90	1651010371	TÔ ĐỨC	TỊNH	Nam	19/02/1998	QTKDVTHK3-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,67	6,95	Khá
91	1651010413	MAI THỊ	TRINH	Nữ	05/11/1998	QTKDVTHK3-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,32	6,49	Trung bình
92	1651010349	NGUYỄN THỊ VÂN	TRÚC	Nữ	16/12/1998	QTKDVTHK3-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,19	7,7	Khá
93	1651010377	ĐOÀN THỊ THU	UYÊN	Nữ	24/08/1998	QTKDVTHK3-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,55	6,82	Khá
94	1651010512	HÀ THỊ TÂM	CHI	Nữ	05/03/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,03	7,54	Khá
95	1651010029	LÊ DUYÊN ANH	ĐÀO	Nữ	16/02/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,59	6,98	Khá
96	1651010503	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐỨC	Nữ	08/02/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,22	7,8	Giỏi
97	1651010485	HOÀNG THỊ	HÒA	Nữ	20/12/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,73	7,08	Khá
98	1651010530	LÊ THỊ THU	HƯỜNG	Nữ	23/08/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,86	7,24	Khá
99	1651010455	NGUYỄN DUY	HUY	Nam	07/11/1996	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,41	8,09	Giỏi
100	1651010513	KHUU TUẤN	KHẢI	Nam	10/09/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,09	7,55	Khá
101	1651010545	LÂM THỊ KIM	KHÁNH	Nữ	08/08/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,02	7,49	Khá
102	1651010494	PHẠM THỊ PHƯƠNG	LINH	Nữ	26/09/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,71	7,18	Khá
103	1651010541	NGUYỄN THỊ TRÁ	MY	Nữ	14/06/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,13	7,74	Khá
104	1651010481	LÊ THỊ BẢO	NGÂN	Nữ	07/11/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,58	6,88	Khá
105	1651010482	HỒ THỊ HOÀI	NHẬT	Nữ	20/09/1997	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,07	7,51	Khá
106	1651010550	NGÔ THỊ HỒNG	NHI	Nữ	27/10/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,14	7,73	Khá
107	1651010459	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	Nữ	20/12/1997	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,22	7,82	Giỏi
108	1651010523	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	Nữ	07/06/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,62	6,88	Khá
109	1651010528	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	Nam	03/06/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,41	6,57	Trung bình
110	1651010502	NGUYỄN THỊ ANH	THÚ	Nữ	25/07/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,06	7,61	Khá
111	1651010488	NGÔ NGUYỄN THỦY	TIẾN	Nữ	07/02/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,88	7,32	Khá
112	1651010539	ĐẶNG THÀNH	TRUNG	Nam	05/05/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,5	6,77	Khá
113	1651010432	ĐÌNH HOÀNG	TUẤN	Nam	04/09/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,14	7,7	Khá
114	1651010469	NGUYỄN HÀ THÚY	VY	Nữ	07/12/1998	QTKDVTHK4-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,83	7,18	Khá
115	1651010096	VÕ THỊ KIM	DUYÊN	Nữ	08/05/1998	QTKDVTHK5-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,85	7,22	Khá
116	1651010040	TÔ GIA	GIA	Nữ	21/02/1998	QTKDVTHK5-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,5	6,77	Khá
117	1651010071	NGUYỄN LÊ HỒNG	HẠNH	Nữ	25/08/1998	QTKDVTHK5-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,6	6,82	Khá
118	1651010035	NGUYỄN THỊ THỤC	HIỀN	Nữ	09/02/1998	QTKDVTHK5-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,95	7,39	Khá
119	1651010051	LÃ THỊ THANH	HƯỜNG	Nữ	04/03/1998	QTKDVTHK5-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,84	7,24	Khá
120	1651010069	PHAN LY	LAN	Nữ	17/12/1998	QTKDVTHK5-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,87	7,28	Khá
121	1651010056	DƯƠNG THỊ ÁI	LINH	Nữ	20/06/1998	QTKDVTHK5-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,08	7,57	Khá
122	1651010003	LÊ THỊ KIỀU	QUYÊN	Nữ	21/10/1998	QTKDVTHK5-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,18	7,7	Khá
123	1651010059	TRẦN THỊ THANH	THANH	Nữ	05/12/1998	QTKDVTHK5-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,9	7,27	Khá
124	1651010002	LÊ THỊ	THOA	Nữ	29/07/1998	QTKDVTHK5-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,33	7,99	Giỏi
125	1651010057	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	Nữ	23/05/1998	QTKDVTHK5-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,81	7,19	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ngành	Số TC tích lũy	Điểm TN	Điểm hệ 10	Xếp loại
126	1651010060	LÊ THỊ ANH	THƯ	Nữ	28/07/1998	QTKDVTHK5-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,11	7,65	Khá
127	1651010086	NGUYỄN THỊ THỦY	TIỀN	Nữ	02/04/1998	QTKDVTHK5-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,93	7,39	Khá
128	1651010013	THÂN NGUYỄN TƯỜNG	VY	Nữ	01/11/1997	QTKDVTHK5-K10	Quản trị kinh doanh	135	3,33	7,94	Giỏi
129	1651010034	MAI THỊ HOÀNG	YẾN	Nữ	12/08/1998	QTKDVTHK5-K10	Quản trị kinh doanh	135	2,9	7,35	Khá

II. CÁC LỚP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 9/2015 VỀ TRƯỚC

1	1251010290	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	Nữ	07/07/1994	QTKDCHK1-K6	Quản trị kinh doanh	141	2,45	6,52	Trung bình
2	1251010035	LÊ NGỌC BẢO	CHÂU	Nữ	06/05/1994	QTKDVT2-K6	Quản trị kinh doanh	141	2,04	5,92	Trung bình
3	1251010378	VŨ MINH	TRÍ	Nam	20/10/1994	QTKDVT3-K6	Quản trị kinh doanh	140	2,33	6,36	Trung bình
4	1353020027	NGUYỄN NGỌC	LÂM	Nam	03/05/1995	ĐV1-K7	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	132	2,38	6,58	Trung bình
5	1351010386	CHU THỊ THỦY	TIỀN	Nữ	16/10/1995	QTDL-K7	Quản trị kinh doanh	136	2,57	6,88	Khá
6	1351010025	TRỊNH THỊ	ANH	Nữ	26/08/1995	QTKDTH1-K7	Quản trị kinh doanh	136	2,34	6,52	Trung bình
7	1351010307	NGUYỄN HỒ DUY	QUYÊN	Nam	08/02/1995	QTKDTH2-K7	Quản trị kinh doanh	136	2,01	6,02	Trung bình
8	1351010389	NGUYỄN THỊ MỸ	TIỀN	Nữ	10/12/1995	QTKDTH2-K7	Quản trị kinh doanh	136	2,64	7,04	Khá
9	1351010417	TRƯƠNG THỊ THANH	TRÍ	Nữ	25/08/1995	QTKDVTHK3-K7	Quản trị kinh doanh	136	2,72	7,18	Khá
10	1351010371	NGUYỄN THỊ	THUY	Nữ	07/09/1995	QTKDVTHK4-K7	Quản trị kinh doanh	136	2,45	6,72	Trung bình
11	1453020029	BÙI QUANG	HUY	Nam	18/12/1996	ĐV1-K8	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	132	2,07	6,15	Trung bình
12	1453020107	VŨ THANH	DANH	Nam	26/07/1995	ĐV2-K8	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	132	2	5,98	Trung bình
13	1451010024	NGUYỄN LÊ THẾ	MỸ	Nữ	10/07/1996	QTDL-K8	Quản trị kinh doanh	136	2,65	6,98	Khá
14	1451010455	TRẦN LINH	TRƯỜNG	Nữ	20/08/1995	QTDL-K8	Quản trị kinh doanh	136	2,26	6,39	Trung bình
15	1451010206	TÔN NỮ THUỖ	ANH	Nữ	21/11/1996	QTKDCHK2-K8	Quản trị kinh doanh	135	2,24	6,41	Trung bình
16	1451010319	LƯƠNG KIM	NGÔN	Nữ	03/04/1996	QTKDCHK3-K8	Quản trị kinh doanh	136	2,29	6,4	Trung bình
17	1451010370	NGUYỄN THANH	THỦY	Nữ	11/04/1996	QTKDCHK3-K8	Quản trị kinh doanh	135	2,32	6,48	Trung bình
18	1451010196	ĐÀO THỊ MỸ	HÂN	Nữ	29/06/1996	QTKDVTHK2-K8	Quản trị kinh doanh	135	2,53	6,74	Khá
19	1451010287	CÚN CHẠC PHỐI	PHỐI	Nữ	04/08/1996	QTKDVTHK3-K8	Quản trị kinh doanh	135	3,09	7,58	Khá
20	1451010469	LÊ HOÀI	NHUNG	Nữ	14/11/1995	QTKDVTHK4-K8	Quản trị kinh doanh	135	2,37	6,61	Trung bình
21	1553020012	QUÁCH VĂN	HIỀN	Nam	06/01/1997	ĐV1-K9	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	132	2,44	6,63	Trung bình
22	1553020007	PHẠM TRẦN MINH	TOÀN	Nam	13/07/1997	ĐV1-K9	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	132	2,08	6,07	Trung bình
23	1553020059	NGUYỄN ĐỨC	HẢI	Nam	06/02/1997	ĐV2-K9	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	132	2,05	6,06	Trung bình
24	1553020062	BÙI QUANG	HUY	Nam	13/03/1997	ĐV2-K9	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	132	2,57	6,86	Khá
25	1553020080	NGUYỄN TÔN VIỆT	KHA	Nam	01/08/1992	ĐV2-K9	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	132	2,82	7,15	Khá
26	1553020093	NGUYỄN ĐỨC CÔNG	MINH	Nam	02/01/1997	ĐV2-K9	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	132	2,17	6,35	Trung bình
27	1553020073	LÊ HUY	NAM	Nam	22/12/1995	ĐV2-K9	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	132	2,67	6,99	Khá
28	1553020088	NGÔ VĂN	THỊNH	Nam	07/07/1997	ĐV2-K9	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	132	2,11	6,16	Trung bình

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ngành	Số TC tích lũy	Điểm TN	Điểm hệ 10	Xếp loại
29	1551010116	PHAN NGUYỄN DUY	KHANG	Nam	16/08/1997	QTDL1-K9	Quản trị kinh doanh	136	2,61	6,96	Khá
30	1551010168	NGUYỄN THỊ	MAI	Nữ	09/02/1997	QTDL1-K9	Quản trị kinh doanh	136	2,49	6,79	Trung bình
31	1551010113	TRẦN KIM	QUYÊN	Nữ	26/06/1997	QTDL1-K9	Quản trị kinh doanh	136	2,3	6,48	Trung bình
32	1551010242	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	Nữ	19/12/1997	QTDL1-K9	Quản trị kinh doanh	136	2,74	7,06	Khá
33	1551010171	LÊ MINH	TRÍ	Nam	16/09/1997	QTDL1-K9	Quản trị kinh doanh	135	2,4	6,74	Trung bình
34	1551010406	TRẦN NHỊ PHƯƠNG	MAI	Nữ	02/01/1997	QTDL2-K9	Quản trị kinh doanh	136	2,26	6,45	Trung bình
35	1551010095	VŨ LAN	NHI	Nữ	15/10/1997	QTKDCHK1-K9	Quản trị kinh doanh	135	2,07	6,1	Trung bình
36	1551010179	NGUYỄN THANH	TOÀN	Nam	10/02/1997	QTKDCHK1-K9	Quản trị kinh doanh	135	2,11	6,22	Trung bình
37	1551010376	TRẦN NGỌC	DIỄM	Nữ	13/11/1997	QTKDCHK2-K9	Quản trị kinh doanh	135	2,33	6,48	Trung bình
38	1551010383	LÊ THỊ NGỌC	TRINH	Nữ	19/01/1997	QTKDCHK2-K9	Quản trị kinh doanh	135	2,83	7,17	Khá
39	1551010086	PHAN CẢNH	NGUYỄN	Nam	19/12/1997	QTKDVTHK1-K9	Quản trị kinh doanh	135	3,19	7,81	Khá
40	1551010296	LÊ HUỖNH ĐÔNG	NGHI	Nữ	19/11/1997	QTKDVTHK2-K9	Quản trị kinh doanh	135	2,37	6,54	Trung bình
41	1551010314	LÊ ĐÌNH	XUYỀN	Nam	20/07/1996	QTKDVTHK2-K9	Quản trị kinh doanh	135	2,62	6,86	Khá
42	1551010472	ĐÌNH THỊ NGỌC	ANH	Nữ	07/09/1997	QTKDVTHK3-K9	Quản trị kinh doanh	135	2,5	6,73	Khá
43	1551010481	NGUYỄN HOA DIỆU	HỒNG	Nữ	23/01/1997	QTKDVTHK3-K9	Quản trị kinh doanh	135	2,51	6,8	Khá
44	1551010505	TRẦN TRUNG	HÙNG	Nam	09/02/1997	QTKDVTHK3-K9	Quản trị kinh doanh	135	2,03	6,08	Trung bình
45	1551010503	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÀ	Nữ	19/08/1997	QTKDVTHK3-K9	Quản trị kinh doanh	135	2,54	6,79	Khá
46	1551010483	NGUYỄN VŨ QUỲNH	PHƯƠNG	Nữ	08/12/1997	QTKDVTHK3-K9	Quản trị kinh doanh	135	2,57	6,83	Khá
47	1551010005	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	Nữ	13/11/1997	QTKDVTHK4-K9	Quản trị kinh doanh	135	2,51	6,74	Khá
48	1551010033	LÊ ĐĂNG	KHOA	Nam	16/08/1997	QTKDVTHK4-K9	Quản trị kinh doanh	135	2,22	6,29	Trung bình

Danh sách gồm 177 sinh viên

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Nguyễn Thị Cẩm Lệ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ngành	Số TC tích lũy	Điểm TN	Điểm hệ 10	Xếp loại
-----	--------------	--------	-----	-----------	-----------	---------	-------	----------------	---------	------------	----------